

PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ AI TRONG ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG VIẾT BÀI LUẬN TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN NĂM 3 TẠI KHOA TIẾNG ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Trần Thị Lệ Dung¹

Email: tranledung1975@hou.edu.vn, ORCID: 0009-0005-1129-1653

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/03/2026. Ngày phản biện đánh giá: 15/05/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 01/06/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1261

Tóm tắt: Nghiên cứu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong đánh giá kỹ năng viết bài luận tiếng Anh của sinh viên năm 3 tại Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội. Dựa trên Mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) mở rộng, nghiên cứu đề xuất năm biến độc lập gồm Nhận thức về tính hữu ích, Nhận thức về sự dễ sử dụng, Chất lượng phản hồi từ AI, Ảnh hưởng xã hội và Tự hiệu năng AI. Phương pháp định lượng với phân tích PLS-SEM được áp dụng trên 122 mẫu hợp lệ. Kết quả cho thấy cả năm giả thuyết đều được hỗ trợ ($p < 0,05$), trong đó Nhận thức về tính hữu ích có tác động mạnh nhất, tiếp theo là Ảnh hưởng xã hội, Tự hiệu năng AI, Chất lượng phản hồi từ AI và Nhận thức về sự dễ sử dụng. Mô hình giải thích 66,3% phương sai của ý định sử dụng AI. Nghiên cứu cung cấp hàm ý thực tiễn cho các nhà quản lý giáo dục, giảng viên và sinh viên trong việc thúc đẩy ứng dụng AI hiệu quả trong giáo dục viết học thuật tại Việt Nam.

Từ khóa: kỹ năng viết tiếng Anh, mô hình chấp nhận công nghệ, PLS-SEM, sinh viên đại học, trí tuệ nhân tạo

I. Đặt vấn đề

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang tạo ra sự chuyển đổi mạnh mẽ trong giáo dục đại học, đặc biệt trong đánh giá và phát triển kỹ năng viết học thuật. Các công cụ AI như ChatGPT, Grammarly và QuillBot trở thành nguồn hỗ trợ quan trọng cho sinh viên thông qua phản hồi tức thời về ngữ pháp, cấu trúc và văn phong, có tính nhất

quán cao và hiệu quả trong hỗ trợ tự điều chỉnh học tập (Escalante & cộng sự, 2023; Dai & cộng sự, 2024).

Tại Việt Nam, xu hướng ứng dụng AI trong giáo dục đang được thúc đẩy mạnh mẽ thông qua Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia và Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020. Các nghiên cứu trong nước cho thấy ChatGPT được sinh viên sử dụng rộng rãi và đánh giá cao trong

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

việc cải thiện độ chính xác, hiệu quả và kỹ năng học thuật (Nguyen & cộng sự, 2024; Dinh, 2025).

Tuy nhiên, các nghiên cứu cũng chỉ ra lo ngại về sự phụ thuộc quá mức vào AI có thể cản trở tư duy độc lập, cùng các vấn đề đạo đức như đạo văn và gian lận học thuật (Nguyen & cộng sự, 2024; Truong, 2024). Hầu hết nghiên cứu tại Việt Nam tập trung vào góc nhìn giảng viên hoặc đánh giá định tính, còn thiếu các nghiên cứu định lượng sâu về yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng AI của sinh viên trong tự đánh giá kỹ năng viết, đặc biệt với sinh viên năm ba - giai đoạn chuẩn bị khóa luận tốt nghiệp. Do đó, nghiên cứu này phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng AI trong đánh giá kỹ năng viết bài luận tiếng Anh của sinh viên năm 3 tại Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội.

II. Cơ sở lý thuyết

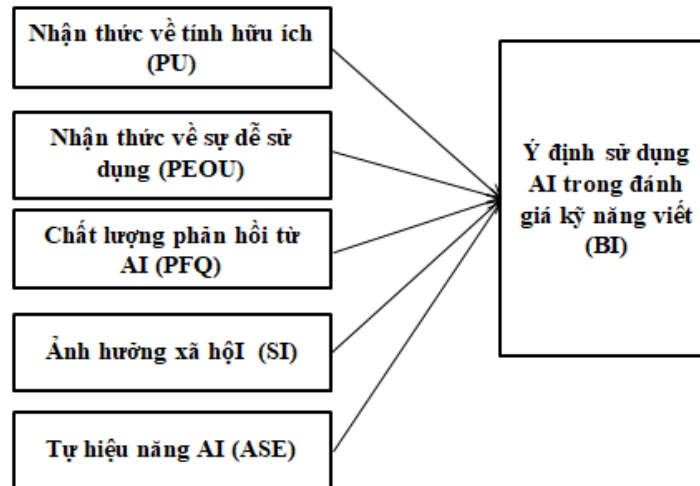
Mô hình Chấp nhận Công nghệ (Technology Acceptance Model - TAM) của Davis (1989) là khung lý thuyết phổ biến nhất giải thích hành vi chấp nhận công nghệ. Theo TAM, hai nhân tố cốt lõi là cảm nhận về tính hữu ích (Perceived Usefulness - PU) - mức độ người dùng tin rằng công nghệ giúp nâng cao hiệu quả công việc, và cảm nhận về tính dễ sử dụng (Perceived Ease of Use - PEOU) - niềm tin rằng việc vận hành không đòi hỏi nhiều nỗ lực (Holden & Rada, 2011).

Antonietti và cộng sự (2022) và Al-Abdullatif và Gameil (2021) đã chứng minh TAM giải thích tốt ý định sử dụng công nghệ số trong giáo dục, với mối

quan hệ tích cực giữa PU, PEOU và kết quả học tập. Trong bối cảnh AI, TAM đã được mở rộng với các yếu tố như tự hiệu năng công nghệ (Holden & Rada, 2011) và chất lượng phản hồi (Galy & cộng sự, 2011). Các nghiên cứu gần đây cho thấy cần bổ sung các yếu tố đặc thù như chất lượng phản hồi từ AI và ảnh hưởng xã hội. Do đó, nghiên cứu này áp dụng TAM mở rộng để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng AI trong đánh giá kỹ năng viết bài luận tiếng Anh của sinh viên năm ba.

Trong bối cảnh đánh giá kỹ năng viết bằng AI, Chất lượng phản hồi từ AI (PFQ) là biến đặc thù không thể thiếu, bởi giá trị cốt lõi sinh viên kỳ vọng từ AI là phản hồi tức thời, chính xác và chi tiết về ngữ pháp, cấu trúc và văn phong (Dai & cộng sự, 2024; Escalante & cộng sự, 2023). Khác với công nghệ giáo dục thông thường, AI tạo sinh có khả năng đưa ra phản hồi cá nhân hóa, do đó PFQ trở thành yếu tố quyết định mức độ tin tưởng và ý định sử dụng tiếp tục. Tự hiệu năng AI (ASE) cũng là biến đặc thù phản ánh sự tự tin của sinh viên trong khai thác AI, vốn đòi hỏi kỹ năng viết câu lệnh (prompt) và đánh giá phê phán đầu ra của AI - những kỹ năng khác biệt so với công nghệ truyền thống (Holden & Rada, 2011).

Dựa trên Mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) và các nghiên cứu về ứng dụng AI trong giáo dục, nghiên cứu này đề xuất mô hình gồm năm biến độc lập ảnh hưởng đến ý định sử dụng công nghệ AI trong đánh giá kỹ năng viết bài luận tiếng Anh của sinh viên năm ba (Hình 1).



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên mô hình nghiên cứu đề xuất, các giả thuyết được phát triển như sau:

Nhận thức về tính hữu ích (PU) đề cập đến mức độ sinh viên tin rằng công cụ AI giúp cải thiện chất lượng bài viết và nâng cao kết quả học tập (Deep & Chen, 2025). H1: Nhận thức về tính hữu ích có ảnh hưởng tích cực đến ý định sử dụng AI trong đánh giá kỹ năng viết.

Nhận thức về sự dễ sử dụng (PEOU) phản ánh mức độ sinh viên cảm thấy dễ dàng khi sử dụng công cụ AI (Ying & cộng sự, 2025). H2: Nhận thức về sự dễ sử dụng có ảnh hưởng tích cực đến ý định sử dụng AI trong đánh giá kỹ năng viết.

Chất lượng phản hồi từ AI (PFQ) đề cập đến mức độ sinh viên đánh giá cao độ chính xác, tính chi tiết và tính hữu ích của phản hồi do AI cung cấp (Dai & cộng sự, 2024). H3: Chất lượng phản hồi từ AI có ảnh hưởng tích cực đến ý định sử dụng AI trong đánh giá kỹ năng viết.

Ảnh hưởng xã hội (SI) phản ánh áp lực xã hội mà sinh viên cảm nhận từ bạn bè, giảng viên và xu hướng chung trong việc sử dụng AI (Venkatesh & cộng sự,

Nguồn: Tác giả đề xuất, 2025
2003; Dinh, 2025). H4: Ảnh hưởng xã hội có ảnh hưởng tích cực đến ý định sử dụng AI trong đánh giá kỹ năng viết.

Tự hiệu năng AI (ASE) đề cập đến mức độ tự tin của sinh viên về khả năng sử dụng hiệu quả các công cụ AI (Holden & Rada, 2011). H5: Tự hiệu năng AI có ảnh hưởng tích cực đến ý định sử dụng AI trong đánh giá kỹ năng viết.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp định lượng với thiết kế khảo sát cắt ngang nhằm kiểm định mô hình và các giả thuyết đề xuất. Đối tượng khảo sát là sinh viên năm 3 đang theo học tại Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội, những người đã có kinh nghiệm sử dụng các công cụ AI (như ChatGPT, Grammarly, QuillBot) trong việc viết và đánh giá bài luận tiếng Anh.

Bảng hỏi được xây dựng dựa trên các thang đo đã qua kiểm định trong các nghiên cứu trước, gồm 22 câu đo lường năm biến độc lập (PU, PEOU, PFQ, SI, ASE) và một biến phụ thuộc (BI), sử dụng thang Likert 5 điểm. Cụ thể, thang đo PU,

PEOU và BI kế thừa từ Davis (1989), Holden và Rada (2011) và Venkatesh và cộng sự (2003); thang đo PFQ phát triển từ Dai và cộng sự (2024) và Galy và cộng sự (2011); thang đo SI từ Venkatesh và cộng sự (2003); thang đo ASE từ Holden và Rada (2011). Các thang đo gốc tiếng Anh được dịch và điều chỉnh ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh sinh viên Việt Nam.

Dữ liệu thu thập từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2025 qua bảng hỏi trực tuyến. Từ 150 bảng hỏi phát ra, thu được 122 mẫu hợp lệ (tỷ lệ phản hồi 81,3%), đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho PLS-SEM theo

Green (1991): $N \geq 50 + 8m$, tương đương $N \geq 90$ cho mô hình năm biến độc lập. Dữ liệu được phân tích bằng SmartPLS 4.0 để đánh giá độ tin cậy, giá trị thang đo và kiểm định mô hình cấu trúc.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

Bảng 1 trình bày kết quả đánh giá độ tin cậy và giá trị hội tụ của các thang đo. Tất cả các chỉ số Cronbach's Alpha vượt ngưỡng 0,80 (0,807-0,876), CR trong khoảng 0,874-0,915, và AVE đều lớn hơn 0,50 (0,635-0,731), đạt yêu cầu theo Hair và cộng sự (2017).

Bảng 1. Độ tin cậy và giá trị hội tụ của thang đo

Cấu trúc	Cronbach's Alpha	CR	AVE
Tự hiệu năng AI (ASE)	0,825	0,884	0,657
Ý định sử dụng AI (BI)	0,857	0,903	0,699
Nhận thức về sự dễ sử dụng (PEOU)	0,822	0,883	0,655
Chất lượng phản hồi từ AI (PFQ)	0,807	0,874	0,635
Nhận thức về tính hữu ích (PU)	0,876	0,915	0,731
Ảnh hưởng xã hội (SI)	0,841	0,894	0,679

Nguồn: Kết quả phân tích, 2025

Bảng 2 trình bày kết quả kiểm tra giá trị phân biệt qua hai tiêu chí Fornell-Larcker và HTMT. Căn bậc hai AVE của từng cấu

trúc đều vượt các hệ số tương quan, toàn bộ HTMT dưới ngưỡng 0,85 (cao nhất 0,752), khẳng định giá trị phân biệt tốt.

Bảng 2. Giá trị phân biệt Fornell-Larcker và HTMT

	ASE	BI	PEOU	PFQ	PU	SI
ASE	0,811	0,529	0,350	0,373	0,276	0,300
BI	0,449	0,836	0,674	0,643	0,752	0,643
PEOU	0,298	0,578	0,809	0,388	0,527	0,573
PFQ	0,301	0,542	0,328	0,797	0,534	0,363
PU	0,241	0,662	0,450	0,452	0,855	0,400
SI	0,248	0,547	0,476	0,298	0,354	0,824

Nguồn: Kết quả phân tích, 2025

Bảng 3 đánh giá khả năng giải thích của mô hình cấu trúc. Mô hình giải thích 66,3% phương sai biến BI ($R^2 = 0,663$;

R^2 điều chỉnh = 0,648), đạt mức substantial theo Cohen (1988).

Bảng 3. Khả năng giải thích của mô hình

Biến phụ thuộc	R ²	R ² điều chỉnh	Mức độ giải thích
Ý định sử dụng AI (BI)	0,663	0,648	Substantial

Nguồn: Kết quả phân tích, 2025

Từ Bảng 4, kết quả cho thấy cả năm giả thuyết đều được hỗ trợ với $p < 0,05$. Nhận thức về tính hữu ích (PU) tác động mạnh nhất với $\beta = 0,366$ ($t = 6,020$; $p < 0,001$), xác nhận H1. Ảnh hưởng xã hội (SI) đứng thứ hai với

$\beta = 0,225$ ($t = 3,905$; $p < 0,001$), hỗ trợ H4. Tự hiệu năng AI (ASE) có $\beta = 0,193$ ($t = 3,183$; $p = 0,001$), xác nhận H5. PFQ và PEOU có β lần lượt là 0,191 ($p = 0,006$) và 0,187 ($p = 0,013$), hỗ trợ H3 và H2.

Bảng 4. Kết quả kiểm định giả thuyết

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số β	T-value	P-value	Kết quả
H1	PU \rightarrow BI	0,366	6,020	0,000	Hỗ trợ
H2	PEOU \rightarrow BI	0,187	2,492	0,013	Hỗ trợ
H3	PFQ \rightarrow BI	0,191	2,762	0,006	Hỗ trợ
H4	SI \rightarrow BI	0,225	3,905	0,000	Hỗ trợ
H5	ASE \rightarrow BI	0,193	3,183	0,001	Hỗ trợ

Nguồn: Kết quả phân tích, 2025

4.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích PLS-SEM cho thấy mô hình TAM mở rộng giải thích được 66,3% phương sai của ý định sử dụng AI, mức cao hơn so với phần lớn các nghiên cứu chấp nhận công nghệ trong giáo dục (thường đạt 0,40-0,60), khẳng định sự phù hợp của khung lý thuyết trong bối cảnh nghiên cứu.

Nhận thức về tính hữu ích (PU) tác động mạnh nhất ($\beta = 0,366$; $p < 0,001$), nhất quán với luận điểm cốt lõi của TAM (Davis, 1989) và phát hiện của Deep và Chen (2025): sinh viên chỉ chấp nhận công nghệ khi nhận thấy giá trị thực tiễn rõ ràng trong cải thiện chất lượng bài viết.

Ảnh hưởng xã hội (SI) đứng thứ hai ($\beta = 0,225$; $p < 0,001$), phản ánh đặc trưng văn hóa tập thể của Việt Nam, tương đồng với Dinh (2025) và khác biệt so với các nghiên cứu TAM phương Tây. Phát hiện này gợi mở khả năng SI đóng vai trò

điều tiết (moderating) giữa các biến TAM và ý định sử dụng AI - hướng đáng cân nhắc cho nghiên cứu tiếp theo.

ASE và PFQ có mức tác động tương đương ($\beta = 0,193$ và $0,191$), phản ánh hai chiều cạnh hỗ trợ: năng lực vận hành công nghệ của sinh viên và chất lượng đầu ra của AI. Kết quả về PFQ củng cố phát hiện của Dai và cộng sự (2024), trong khi ASE mở rộng lý luận của Holden và Rada (2011) sang lĩnh vực AI chuyên biệt.

Nhận thức về sự dễ sử dụng (PEOU) có tác động thấp nhất nhưng vẫn có ý nghĩa thống kê ($\beta = 0,187$, $p < 0,05$). Điều này phản ánh thực tế sinh viên hiện nay đã quen thuộc với môi trường số, khiến rào cản sử dụng không còn là trở ngại lớn.

Bên cạnh các phát hiện tích cực, kết quả cũng đặt ra vấn đề về đạo đức học thuật và thiên lệch (bias) của AI. Sự phụ thuộc cao vào phản hồi AI có thể giảm tư duy phê phán độc lập và làm mờ ranh giới giữa hỗ trợ học tập và gian lận học thuật

(Nguyen & cộng sự, 2024; Truong, 2024). Các công cụ AI cũng có thể tồn tại thiên lệch ngôn ngữ và văn hóa do dữ liệu huấn luyện chủ yếu bằng tiếng Anh phương Tây, dẫn đến phản hồi chưa hoàn toàn phù hợp với đặc điểm viết học thuật của sinh viên Việt Nam. Do đó, tích hợp AI vào đánh giá kỹ năng viết cần đi kèm hướng dẫn sử dụng có trách nhiệm và nâng cao năng lực đánh giá phê phán đầu ra của AI cho sinh viên.

4.3. Giải pháp

Từ kết quả nghiên cứu, một số giải pháp thực tiễn được đề xuất cho các bên liên quan.

Đối với nhà quản lý giáo dục, cần xây dựng chính sách sử dụng AI rõ ràng, cân bằng giữa tận dụng công nghệ và duy trì tính chính trực học thuật, đồng thời đầu tư các chương trình nâng cao nhận thức về lợi ích AI thông qua hội thảo và tài liệu hướng dẫn. Do ảnh hưởng xã hội tác động mạnh thứ hai, nên tạo lập các cộng đồng thực hành để khuếch đại hiệu ứng lan tỏa tích cực.

Đối với giảng viên, nên chủ động tích hợp ChatGPT, Grammarly, QuillBot vào hoạt động lớp học có cấu trúc, kết hợp phản hồi AI với phản hồi giảng viên để sinh viên nhận thấy giá trị bổ sung của công nghệ, đồng thời làm gương trong sử dụng AI có trách nhiệm.

Đối với nhà trường, cần triển khai chương trình đào tạo kỹ năng sử dụng AI chuyên biệt nhằm nâng cao tự hiệu năng cho sinh viên, ưu tiên các công cụ AI có chất lượng phản hồi cao và giao diện thân thiện, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá định kỳ để điều chỉnh chiến lược phù hợp với sự phát triển nhanh của công nghệ.

V. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu đã xác định và kiểm định năm nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng AI trong đánh giá kỹ năng viết bài luận tiếng Anh của sinh viên năm 3, Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội. Qua phân tích PLS-SEM trên 122 mẫu hợp lệ, mô hình TAM mở rộng giải thích 66,3% phương sai BI với thứ tự tác động: PU ($\beta = 0,366$) > SI ($\beta = 0,225$) > ASE ($\beta = 0,193$) > PFQ ($\beta = 0,191$) > PEOU ($\beta = 0,187$).

Về đóng góp lý thuyết, nghiên cứu mở rộng TAM vào bối cảnh AI giáo dục tại Việt Nam, đồng thời xác lập PFQ như một biến đặc thù có giá trị giải thích độc lập trong đánh giá viết học thuật.

Tuy nhiên, nghiên cứu còn một số hạn chế. Thứ nhất, mẫu giới hạn ở sinh viên năm 3 Khoa Tiếng Anh nên khả năng khái quát hóa còn hạn chế. Thứ hai, thiết kế cắt ngang chỉ phản ánh ý định sử dụng tại một thời điểm, không cho phép theo dõi thay đổi hành vi theo thời gian. Thứ ba, nghiên cứu chỉ đo lường ý định sử dụng (BI) mà chưa đo hành vi sử dụng thực tế. Thứ tư, mô hình chưa tích hợp yếu tố đạo đức học thuật và lo ngại về thiên lệch của AI.

Nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng địa bàn khảo sát sang nhiều trường đại học, áp dụng thiết kế dọc (longitudinal), bổ sung đo lường hành vi sử dụng thực tế, đồng thời tích hợp các biến đạo đức học thuật, nhận thức về thiên lệch AI và xem xét vai trò điều tiết của Ảnh hưởng xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Al-Abdullatif, A. M., & Gameil, A. A. (2021). The effect of digital technology integration on students' academic performance through project-based learning in an e-learning environment. *International Journal of Emerging Technologies in Learning*, 16(11), 189-210.
- Antonietti, C., Cattaneo, A., & Amenduni, F. (2022). Can teachers' digital competence influence technology acceptance in vocational education? *Computers in Human Behavior*, 132, 107266.
- Cohen, J. (1988). *Statistical power analysis for the behavioral sciences* (2nd ed.). Lawrence Erlbaum Associates.
- Dai, W., Tsai, Y. S., Lin, J., Aldino, A., Jin, H., Li, T., ... & Chen, G. (2024). Assessing the proficiency of large language models in automatic feedback generation: An evaluation study. *Computers and Education: Artificial Intelligence*, 7, 100299.
- Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. *MIS Quarterly*, 13(3), 319-340.
- Deep, P. D., & Chen, Y. (2025). The role of AI in academic writing: Impacts on writing skills, critical thinking, and integrity in higher education. *Societies*, 15(9), 247.
- Dinh, C. T. (2025). EFL students' perspectives on ChatGPT in translation: Exploring AI assistance, motivation, and learning outcomes. *Electronic Journal of e-Learning*, 23(2), 99-116.
- Escalante, J., Pack, A., & Barrett, A. (2023). AI-generated feedback on writing: Insights into efficacy and ENL student preference. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 20(1), 57.
- Galy, E., Downey, C., & Johnson, J. (2011). The effect of using e-learning tools in online and campus-based classrooms on student performance. *Journal of Information Technology Education: Research*, 10(1), 209-230.
- Green, S. B. (1991). How many subjects does it take to do a regression analysis? *Multivariate Behavioral Research*, 26(3), 499-510.
- Hair, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2017). *A primer on partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM)* (2nd ed.). Sage Publications.
- Holden, H., & Rada, R. (2011). Understanding the influence of perceived usability and technology self-efficacy on teachers' technology acceptance. *Journal of Research on Technology in Education*, 43(4), 343-367.
- Nguyen, T. N. T., Van Lai, N., & Nguyen, Q. T. (2024). Artificial intelligence (AI) in education: A case study on ChatGPT's influence on student learning behaviors. *Educational Process: International Journal*, 13(2), 105-121.
- Truong, U. T. (2024, September). Writing classes in the AI era: Redefining English teachers' roles. In *2024 6th International Workshop on Artificial Intelligence and Education (WAIE)* (pp. 50-55). IEEE.
- Venkatesh, V., Morris, M. G., Davis, G. B., & Davis, F. D. (2003). User acceptance of information technology: Toward a unified view. *MIS Quarterly*, 27(3), 425-478.
- Ying, X., Shaharuddin, S. S. B., Ramli, S. B., Heng, Y., & Nannan, G. (2025). Examining student acceptance of Procreate in digital art education using the Technology Acceptance Model (TAM). *International Journal of Advanced and Applied Sciences*, 12(9), 107-117.

ANALYZING FACTORS INFLUENCING THE USE OF AI TECHNOLOGY IN ASSESSING ENGLISH ESSAY WRITING SKILLS OF THIRD-YEAR STUDENTS AT THE FACULTY OF ENGLISH, HANOI OPEN UNIVERSITY

Tran Thi Le Dung¹

Abstract: *This study analyzes factors influencing the use of artificial intelligence (AI) technology in assessing English essay writing skills among third-year students at the Faculty of English, Hanoi Open University. Based on an extended Technology Acceptance Model (TAM), the research proposes five independent variables: Perceived Usefulness, Perceived Ease of Use, Perceived Feedback Quality, Social Influence, and AI Self-Efficacy. A quantitative method using PLS-SEM was applied to 122 valid samples. Results show that all five hypotheses are supported ($p < 0.05$), with Perceived Usefulness having the strongest impact, followed by Social Influence, AI Self-Efficacy, Perceived Feedback Quality, and Perceived Ease of Use. The model explains 66.3% of the variance in AI usage intention. The study provides practical implications for educational administrators, instructors, and students in promoting effective AI application in academic writing education in Vietnam.*

Keywords: *artificial intelligence, English writing skills, PLS-SEM, Technology Acceptance Model, university students*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam